

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	07-08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09-53

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần DamSan (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong Kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thượng	Ủy viên

Ban Điều hành

Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/4/2021
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng ban
Bà Vũ Thùy Linh	Trưởng ban
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong Kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này là Ông Vũ Huy Đông

Ông Vũ Huy Đông đã ủy quyền cho Ông Lê Xuân Chiến – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho các kỳ báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 25032024/DS-UQ, ngày 25/03/2024.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành



Lê Xuân Chiến
Phó Tổng Giám Đốc

Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.989.821.988.920	1.945.387.034.832
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	272.001.241.769	152.045.243.846
1. Tiền	111		191.501.241.769	151.960.243.846
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.500.000.000	85.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	376.743.332.996	380.450.450.157
1. Chứng khoán kinh doanh	121		70.000.000.000	65.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		306.743.332.996	315.450.450.157
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		785.564.046.338	881.033.776.648
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	277.212.933.534	210.680.340.524
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	272.810.349.256	316.058.943.385
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	92.950.103.588	84.342.340.512
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	167.015.395.883	293.376.888.150
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(24.424.735.923)	(23.424.735.923)
IV. Hàng tồn kho	140	12	536.173.306.578	518.206.692.341
1. Hàng tồn kho	141		536.173.306.578	518.206.692.341
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.340.061.239	13.650.871.840
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17	505.323.606	659.418.215
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.705.807.937	12.986.066.777
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	128.929.696	5.386.848
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		615.882.429.102	558.405.222.070
II. Tài sản cố định	220		140.172.986.888	156.622.695.448
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	116.487.588.947	155.900.972.977
- Nguyên giá	222		406.063.174.924	444.425.393.215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.575.585.977)	(288.524.420.238)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	23.059.940.790	-
- Nguyên giá	225		25.094.972.122	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.035.031.332)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	625.457.151	721.722.471
- Nguyên giá	228		1.925.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.299.849.224)	(1.563.583.904)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	20.364.822.978	21.219.091.950
- Nguyên giá	231		181.180.089.481	140.048.094.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(160.815.266.503)	(118.829.002.221)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		52.314.349.051	49.394.788.548
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		52.314.349.051	49.394.788.548
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	349.866.979.489	295.164.611.597
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		349.866.979.489	295.164.611.597
VI. Tài sản dài hạn khác	260		53.163.290.697	36.004.034.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	10.705.768.044	8.182.042.604
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	.a	42.457.522.653	27.821.991.923
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.605.704.418.022	2.503.792.256.902

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.646.192.567.543	1.585.541.464.673
I. Nợ ngắn hạn	310		1.608.122.997.063	1.472.931.616.830
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	85.096.962.758	56.876.908.979
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	15.953.421.935	70.487.248.560
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	51.250.356.664	36.110.748.234
4. Phải trả người lao động	314		4.342.072.976	5.552.147.949
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	739.951.379	2.984.292.624
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	3.273.801.280	3.186.433.493
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	469.261.668.448	472.919.610.394
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	975.476.876.039	822.086.341.013
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.727.885.584	2.727.885.584
II. Nợ dài hạn	330		38.069.570.480	112.609.847.843
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	2.921.498.672	3.258.594.668
2. Phải trả dài hạn khác	337	23	16.801.406.921	8.982.902.513
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	18.346.664.887	70.533.179.796
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	25	-	29.835.170.866
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		959.511.850.479	918.250.792.229
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	959.511.850.479	918.250.792.229
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		763.947.270.000	583.947.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		763.947.270.000	583.947.270.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		63.554.698.331	62.638.303.935
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	1.076.949.952
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.274.952	10.410.274.952
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.651.545.366	77.998.095.991
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		12.689.191.851	19.570.578.287
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.962.353.515	58.427.517.704
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		55.654.037.554	179.885.873.123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		2.605.704.418.022	2.503.792.256.902


Phạm Thị Dung
Người lập

Trần Minh Hà
Kế toán trưởngLê Xuân Chiến
Phó Tổng Giám Đốc

Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2024 đến	Từ 01/10/2023 đến	Lũy kế năm 2024	Lũy kế năm 2023
			31/12/2024	31/12/2023	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	482.099.573.480	370.680.199.970	1.629.158.934.864	1.642.290.013.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	33.707.505	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		482.099.573.480	370.680.199.970	1.629.125.227.359	1.642.290.013.273
4. Giá vốn hàng bán	11	29	430.671.617.230	334.091.088.732	1.495.891.779.029	1.455.441.092.118
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51.427.956.250	36.589.111.238	133.233.448.330	186.848.921.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	8.479.078.739	13.386.244.149	32.095.272.551	45.755.291.272
7. Chi phí tài chính	22	31	8.912.588.610	17.446.186.997	51.285.572.371	86.080.432.724
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.525.880.892	(5.000.000.000)	(10.183.959.097)	(5.000.000.000)
9. Chi phí bán hàng	25	32	3.247.452.274	3.527.085.966	11.504.161.264	13.005.749.701
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	10.704.846.131	11.493.711.416	34.464.548.239	35.569.099.640
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		40.568.028.866	12.508.371.008	57.890.479.910	92.948.930.362
12. Thu nhập khác	31	34	17.374.447	130.371.035	10.390.256.773	6.494.307.182
13. Chi phí khác	32	35	2.461.806.990	1.896.143.763	3.375.193.007	9.209.268.642
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.444.432.543)	(1.765.772.728)	7.015.063.766	(2.714.961.460)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.123.596.323	10.742.598.280	64.905.543.676	90.233.968.902
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	3.724.856.354	1.938.393.989	6.993.206.974	12.875.680.296
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	c	1.598.515.291	414.150.442	1.858.996.674	416.100.862
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		32.800.224.677	8.390.053.849	56.053.340.027	76.942.187.744
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		29.052.968.930	8.373.450.695	50.962.353.515	61.813.590.691
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		3.747.255.747	16.603.154	5.090.986.512	15.128.597.053


 Phạm Thị Dung
 Người lập


 Trần Minh Hà
 Kế toán trưởng


 Lê Xuân Chiến
 Phó Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024
 (Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến	Từ 01/01/2023 đến
			31/12/2024	31/12/2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.905.543.676	90.233.968.902
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		37.348.618.787	35.238.233.557
- Các khoản dự phòng	03		1.000.000.000	2.000.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		399.528.597	16.649.650.187
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(42.485.529.324)	(12.961.274.029)
- Chi phí lãi vay	06		51.285.572.371	69.430.782.537
12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		112.453.734.107	200.591.361.154
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.473.749.008)	(118.313.101.400)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17.966.614.237	71.275.730.823
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		102.499.460.281	(36.588.621.674)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	1.687.520.702
- Tiền lãi vay đã trả	14		(51.285.572.371)	(69.430.782.537)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.144.670.660)	(35.431.878.012)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		118.015.816.586	13.790.229.056
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(26.003.848.282)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	110.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(216.823.041.360)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(5.000.000.000)	169.557.443.553
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(180.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	8.987.510.630
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(211.003.848.282)	(38.168.087.177)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến	Từ 01/01/2023 đến
			31/12/2024	31/12/2023
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		150.000.000.000	76.156.930.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.188.252.806.565	2.091.173.613.976
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.045.907.271.539)	(1.969.424.255.619)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(426.778.407)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(78.974.727.000)	(76.156.930.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		212.944.029.619	121.749.358.357
Lưu chuyển tiền thuần trong Kỳ (50=20+30+40)	50		119.955.997.923	97.371.500.236
Tiền và tương đương tiền đầu Kỳ	60		152.045.243.846	54.664.554.175
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối Kỳ (70=50+60+61)	70	5	272.001.241.769	152.036.054.411

Phạm Thị Dung
Người lập

Trần Minh Hà
Kế toán trưởng



Lê Xuân Chiến
Phó Tổng Giám Đốc

Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần DamSan được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10 tháng 06 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 763.947.270.000 đồng, vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 763.947.270,000 đồng; tương đương 76.394.727 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: bán buôn sợi dệt; bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình đường bộ; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01.
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần sợi Eiffel	Thái Bình	85,00%	85,00%	Dệt sợi

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	Hà Nội	30,00%	30,00%	Nghiên cứu sản xuất sợi
Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Thái Bình	45,00%	45,00%	Xây dựng cầu, đường bộ
Công ty CP đầu tư An Ninh Thái Bình	Thái Bình	47,27%	47,27%	Dệt sợi
Công ty CP tập đoàn năng lượng xanh AD	Thái Bình	43,13%	43,13%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt Kỳ . Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong Kỳ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong Kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối Kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của Kỳ.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

8.
T
I
A
A
T.T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối Kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 20 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 | năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 07 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phần cơ sở hạ tầng tại Dự án Khu công nghiệp An Ninh huyện Tiền Hải được Công ty ghi nhận doanh thu một lần thì Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong Kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong Kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của Kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong Kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong Kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng là doanh thu tại...

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong Kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng Kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của Kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các Kỳ trước, đến Kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Kỳ lập báo cáo (Kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của Kỳ phát sinh (Kỳ sau).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong Kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ưu đãi thuế:

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy DamSan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy DamSan II được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%. Năm 2021 là năm thứ 15 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan I và là năm thứ 11 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan II. Năm 2021, tất cả các hoạt động của Công ty đều chịu thuế 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/10/2024
	VND	VND
Tiền mặt	529.270.171	3.633.564.886
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	190.971.971.598	89.135.636.048
Các khoản tương đương tiền	80.500.000.000	-
	272.001.241.769	92.769.200.934

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/10/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	306.743.332.996	306.743.332.996	264.746.139.870	264.746.139.870
Tiền gửi có kỳ hạn	306.743.332.996	306.743.332.996	264.746.139.870	264.746.139.870
	306.743.332.996	306.743.332.996	264.746.139.870	264.746.139.870

Ngân hàng	Kỳ hạn (Tháng)	Lãi suất năm (%)	Số tiền tại 31/12/2024
Ngân hàng NN&PTNTVN - CN Tây Đô	12-13 tháng	4,2-5,2%	84.521.819.400
Ngân hàng TMCP Đại Chúng - CN Thái	12 tháng	5,3-5,6%	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng	12 tháng	4,55-6,8%	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Bình	06-13 tháng	4,2%-4,7%	1.692.999.000
Ngân hàng TM TNHH một thành viên Việt Nam Hiện Đại	12 tháng	5,6-6,8%	25.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Hà Nội	13 tháng	4,9-7,5%	30.854.912.312
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thái	12 tháng	4,2-5,2%	43.536.974.465
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	12-13 tháng	2,7-6,2%	51.944.947.680
Ngân hàng TMCP An Bình	12 tháng	0,058	12.000.000.000
Ngân hàng Sinopac TP HCM	06 tháng	0,025	20.300.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Thái Bình	06 - 13 tháng	4,1-6,1%	8.891.680.139
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hòa Bình	06 tháng	4,5-5,2%	9.000.000.000
Tổng cộng			306.743.332.996

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2024			01/10/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị trái phiếu	70.000.000.000	70.000.000.000	-	70.000.000.000	70.000.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng Agribank	70.000.000.000	70.000.000.000	-	70.000.000.000	70.000.000.000	-
	70.000.000.000	70.000.000.000	-	70.000.000.000	70.000.000.000	-

Các khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ với mục đích kinh doanh bao gồm:

Trái phiếu do Ngân hàng No&PTNT - CN Tây Đô phát hành: Số lượng trái phiếu: 200.0000 trái phiếu; Mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu; Ngày phát hành: 24/12/2020, kỳ hạn trái phiếu: 07 năm. Lãi suất năm : 6.9%/năm; số lượng: 5.000 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 đồng / trái phiếu, kỳ hạn 10 năm , ngày phát hành 31/12/2021; lãi trả 1 năm/ 1 lần lãi suất 7.3%; số lượng: 200.000 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng/ trái phiếu, Ngày phát hành 29/12/2022; kỳ hạn trái phiếu: 08 năm, lãi trả 1 năm/ 1 lần với lãi suất là 9%/ năm.; số lượng: 150.000 trái phiếu, mệnh giá: 100.000 đồng/ trái phiếu, kỳ hạn 8 năm, ngày phát hành 05/12/2023, lãi trả 1 năm/ 1 lần và lãi suất 7.23%/năm; số lượng trái phiếu: 100,000 trái phiếu, mệnh giá 100,000d/trái phiếu, ngày phát hành 14/08/2024, kỳ hạn trái phiếu 10 năm, lãi trả 1 năm/ 01 lần vào ngày thanh toán lãi là mỗi ngày tròn 01 năm kể từ ngày phát hành với lãi suất = lãi suất tham chiếu + biên độ (2%).

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/10/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	366.681.742.000	349.866.979.489	-	366.681.742.000	343.969.858.962	-
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	31.575.000.000	33.946.315.097	-	31.575.000.000	33.946.315.097	-
Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân	182.506.742.000	182.401.214.975	-	182.506.742.000	182.401.214.975	-
Công ty CP đầu tư An Ninh Thái Bình	78.000.000.000	67.203.283.434	-	78.000.000.000	59.427.185.149	-
Công ty CP tập đoàn năng lượng xanh AD	74.600.000.000	66.316.165.983	-	74.600.000.000	68.195.143.741	-
	366.681.742.000	349.866.979.489	-	366.681.742.000	343.969.858.962	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP - Viện nghiên cứu Dệt may	Hà Nội	30%	30%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may
Công ty CP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân	Thái Bình	45%	45%	Xây dựng cầu, đường bộ
	Thái Bình			Sản xuất sợi
Công ty CP đầu tư An Ninh Thái Bình		47,27%	47,27%	
Công ty CP tập đoàn năng lượng xanh AD	Thái Bình	43.12%	43.12%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong Kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số 37.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/10/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng nước ngoài	33.854.129.128	33.058.736.858
Shige Mitsu Shoji Co.,ltd	-	1.759.675.381
Kajun Co.,Ltd	700.034.647	748.655.440
Xiamen ITG Group Corp.,ltd	17.388.756.274	10.666.248.848
Xiamen Port Commerce Infomation Co.,Ltd	-	3.137.344.869
Ya Mai Chi Co.,ltd	1.586.653.260	610.793.734
Hirose Shokai Co.,ltd	-	3.164.704.502
Sumishomontlanc	2.487.007.207	-
Shandong Binzhou Printing and dyeing group im&ex Co.,ltd	-	4.016.961.752
Weihai Textile Group Im&Ex Co.,ltd	8.409.106.874	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.282.570.866	8.954.352.332
Phải thu khách hàng trong nước	243.358.804.406	277.383.640.652
Công ty TNHH xây lắp và thương mại Thái Bình	-	222.900.930
Công ty TNHH KMTT	8.096.362.366	8.096.362.366
Công ty CP đầu tư ADP	-	-
Công ty CP dệt may Đông phong	8.142.844.637	5.970.026.501
Công ty TNHH quốc tế Minh Huy	-	24.000.000.000
Công ty CP năng lượng xanh ADE	31.712.371.326	28.146.297.036
Công ty TNHH xây dựng Đức Dũng Thái Bình	6.386.296.000	69.957.251.948
Các khoản phải thu khách hàng khác	32.637.061.730	27.044.561.316
Phải thu khách hàng mua bất động sản	156.383.868.347	113.946.240.555
	277.212.933.534	310.442.377.510
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	52.241.511.963	98.103.548.984
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/10/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Golf Long Hưng	43.605.265.458	-	56.248.334.708	-
Công ty TNHH XNK API	-	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái	97.429.858.216	-	100.121.757.155	-
Công ty CP đầu tư ADP	21.632.924.683	-	35.526.612.876	-
Công ty TNHH đầu tư và phát triển Blue Ocean	-	-	-	-
Công ty TNHH Flamingo Đồng Châu	5.000.000.000	-	-	-
Công ty CP tập đoàn năng lượng xanh AD	81.228.773.812	-	105.829.633.390	-
Allenberg cotton Co.,ldt	5.966.432.285	-	-	-
Trả trước khác	17.947.094.802	23.424.734.923	95.261.469.831	9.804.522.682
	272.810.349.256	23.424.734.923	392.987.807.960	9.804.522.682

9 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/10/2024
	VND	VND
Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình ⁽¹⁾	87.224.457.588	55.729.324.280
+ Dự án Quang Trung	63.385.498.856	31.867.851.711
+ Dự án Phú Xuân	23.838.958.732	23.861.472.569
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bồ Xuyên	-	-
Các khoản cho vay ngắn hạn khác	3.948.380.272	13.948.380.272
	92.950.103.588	71.454.970.280

(1) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình, dự án khu dân cư Lê Hồng Phong thành phố Thái Bình với lãi suất 10.4%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2024		01/10/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.733.399.706	-	9.291.456.710	-
Tạm ứng	36.177.225.756	-	39.108.545.156	-
Ký cược, ký quỹ	2.862.708.489	-	2.853.969.447	-
Cho mượn	-	-	-	-
Công ty CP tập đoàn năng lượng xanh AD	321.422.222	-	3.623.000	-
BQL các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	1.041.196.000	-	1.041.196.000	-
Trung tâm phát triển quỹ đất TP Thái Bình ⁽¹⁾	7.071.411.542	-	7.071.411.542	-
UBND Tỉnh Thái Bình ⁽²⁾	4.061.960.841	-	4.061.960.841	-
Sở Tài chính tỉnh Thái Bình ⁽³⁾	76.922.296.289	-	76.922.296.289	-
Công ty CP Lam Sơn	1.481.456.528	-	2.808.151.528	-
Bà Đặng Thị Vân			41.500.000.000	
Phải thu khác	31.342.318.510	-	66.718.770.432	-
	167.015.395.883	-	251.381.380.945	-

⁽¹⁾ Lãi dự thu Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.

⁽²⁾ Lãi dự thu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Lê Hồng Phong.

⁽³⁾ Tiền thu hộ theo QĐ số 4581/UBND-KT ngày 24/11/2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/10/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.042.996.740	23.424.735.923	30.042.996.740	23.424.735.923
<i>Ghulam Rabbani and Co</i>	833.194.874	833.194.874	833.194.874	833.194.874
<i>Sofeene enterprises</i>	761.021.813	761.021.813	761.021.813	761.021.813
<i>LGW Limited</i>	545.706.638	545.706.638	545.706.638	545.706.638
<i>Saurashtra cotton & Agro Producests pvt., Ltd</i>	405.703.253	405.703.253	405.703.253	405.703.253
<i>Đối tượng khác</i>	27.497.370.162	20.879.109.345	27.497.370.162	20.879.109.345
	30.042.996.740	23.424.735.923	30.042.996.740	23.424.735.923

12 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/10/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.860.832.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	34.472.643.263	-	33.749.039.875	-
Công cụ, dụng cụ	8.627.808.735	-	11.261.412.349	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	376.758.819.882	-	417.387.497.682	-
Thành phẩm	23.165.416.516	-	17.263.074.606	-
Hàng hoá	86.287.786.182	-	53.296.598.131	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
	536.173.306.578	-	532.957.622.643	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12 . HÀNG TỒN KHO****(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm**

	31/12/2024		01/10/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, TP Thái Bình	21.671.602.918	-	28.212.170.271	-
Dự án nhà ở thương mại Quang Trung	9.341.356.312	-	25.516.099.259	-
Dự án nhà ở thương mại Bồ Xuyên	73.340.513.385	-	71.825.765.438	-
Dự án nhà ở xã hội Quang Trung, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	57.519.077.381	-	29.671.217.522	-
Hạ tầng dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	115.414.301.228	-	115.387.451.228	-
Hạ tầng dự án phát triển nhà ở khu dân cư tổ 39, 40 phường Quang Trung, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	2.822.819.565	-	2.822.819.565	-
Hạ tầng dự án phát triển nhà ở khu dân cư phường Bồ Xuyên, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình	1.714.940.183	-	1.709.440.183	-
Dự án VP Hồ Chí Minh	16.201.276.540	-	22.885.026.540	-
Dự án KCN An Ninh	49.726.064.381	-	93.982.155.168	-
Dự án KCN Ninh An	16.244.274.074	-	-	-
Chi phí thực hiện các dự án khác	3.467.925.571	-	15.486.024.650	-
Sản phẩm dở dang	9.294.668.344	-	9.889.327.858	-
	376.758.819.882	-	417.387.497.682	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/10/2024	127.136.880.548	252.391.802.122	20.312.408.666	660.625.856	-	400.501.717.192
Mua sắm	-	2.513.011.642	-	-	3.048.446.090	5.561.457.732
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	127.136.880.548	254.904.813.764	20.312.408.666	660.625.856	3.048.446.090	406.063.174.924
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/10/2024	74.350.168.965	195.081.789.567	8.674.472.273	617.592.941	-	278.724.023.746
Trích khấu hao	1.702.893.456	8.611.815.900	494.656.863	10.623.222	31.572.790	10.851.562.231
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	76.053.062.421	203.693.605.467	9.169.129.136	628.216.163	31.572.790	289.575.585.977
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/10/2024	52.786.711.583	57.310.012.555	11.637.936.393	43.032.915	-	121.777.693.446
Tại ngày 31/12/2024	51.083.818.127	51.211.208.297	11.143.279.530	32.409.693	3.016.873.300	116.487.588.947

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/10/2024	25.094.972.122	-	25.094.972.122
Thuê tài chính	-	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Trả lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	25.094.972.122	-	25.094.972.122
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/10/2024	1.512.219.415	-	1.512.219.415
Trích khấu hao	522.811.917	-	522.811.917
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Trả lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	2.035.031.332	-	2.035.031.332
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/10/2024	23.582.752.707	-	23.582.752.707
Tại ngày 31/12/2024	23.059.940.790	-	23.059.940.790

Trong đó:

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong Kỳ: -
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: -
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: -

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/10/2024	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Thanh lý, nhượng bán	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	1.925.306.375	-	1.925.306.375
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/10/2024	1.275.782.894	360.000.000	1.635.782.894
Trích khấu hao	24.066.330	(360.000.000)	(335.933.670)
Tại ngày 31/12/2024	1.299.849.224	-	1.299.849.224
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/10/2024	649.523.481	-	649.523.481
Tại ngày 31/12/2024	625.457.151	-	625.457.151

16 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà Xưởng cho thuê	Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/10/2024	21.356.724.173	171.883.551.401	193.240.275.574
Giảm khác	-	(12.060.186.093)	(12.060.186.093)
Tại ngày 31/12/2024	21.356.724.173	159.823.365.308	181.180.089.481
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/10/2024	778.333.952	171.883.551.401	172.661.885.353
Trích khấu hao	213.567.243	(12.060.186.093)	(11.846.618.850)
Tại ngày 31/12/2024	991.901.195	159.823.365.308	160.815.266.503
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/10/2024	20.578.390.221	-	20.578.390.221
Tại ngày 31/12/2024	20.364.822.978	-	20.364.822.978

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/10/2024</u>
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	505.323.606	433.930.875
	<u>505.323.606</u>	<u>433.930.875</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.309.814.514	7.273.879.526
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.395.953.530	2.412.139.812
	<u>10.705.768.044</u>	<u>9.686.019.338</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/10/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh				
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>				
Công ty TNHH dệt may Minh Thành Hà Nội	5.594.673.302	5.594.673.302	2.715.481.047	2.715.481.047
	-	-	2.916.117.761	2.916.117.761
Công ty TNHH thương mại vận tải Chính Hưng				
Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	-	-	1.370.570.128	1.370.570.128
Công ty Cổ phần SHP	71.260.521	71.260.521	71.260.521	71.260.521
Công ty cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	37.244.536.296	37.244.536.296	-	-
Công ty TNHH XNK API	7.480.124.280	7.480.124.280	-	-
Công ty TNHH xây lắp và thương mại Thái Bình	2.306.357.399	2.306.357.399	1.596.738.349	1.596.738.349
Phải trả người bán khác	21.337.823.144	21.337.823.144	24.634.745.525	24.634.745.525
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>				
Textile enterprises limited	1.195.635.445	1.195.635.445	1.195.635.445	1.195.635.445
Ambica Cot Seeds Limited	99.333.780	99.333.780	99.333.780	99.333.780
M/S Nakoda Enterprises	8.304.314	8.304.314	8.304.314	8.304.314
Uday cotton industries	148.909.407	148.909.407	-	-
			-	-
Phải trả người bán khác	1.346.238.845	1.346.238.845	3.097.969.689	3.097.969.689
Phải trả cho nhà thầu xây lắp				
Công ty CP Xây dựng GM	8.263.766.025	8.263.766.025	3.996.644.495	3.996.644.495
Công ty CP Xây dựng số 2		-	-	-
	85.096.962.758	85.096.962.758	41.702.801.054	41.702.801.054

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/10/2024</u>
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Paca Sakti InternationalPTE ltd	4.746.656.250	4.746.656.250
Công ty TNHH thương mại Jun và Rak	507.469.214	507.469.214
Công ty cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	-	101.586.705.119
Công ty TNHH XNK API	-	2.536.349.086
Khách hàng Bất Động Sản	8.500.510.119	10.553.541.509
Các khách hàng khác	2.198.786.352	73.649.513.401
	<u>15.953.421.935</u>	<u>193.580.234.579</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu Kỳ	Số phải nộp đầu Kỳ	Số phải nộp trong Kỳ	Số đã thực nộp trong Kỳ	Số phải thu cuối Kỳ	Số phải nộp cuối Kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	11.726.181.986	10.228.377.461	26.162.748.781	34.869.113.320	18.705.807.937	8.501.638.873
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	2.768.052	-	73.015.873	73.015.872	2.768.051	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	33.420.215.988	15.869.845.685	6.570.387.031	-	42.719.674.642
Thuế Thu nhập cá nhân	-	20.473.885	80.513.154	71.943.890	-	29.043.149
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	153.946.101	-	272.966.521	119.020.420	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7.141.225	7.141.225	-	-
	11.728.950.038	43.823.013.435	42.193.264.718	41.864.567.859	18.827.596.408	51.250.356.664

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/10/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	739.951.379	2.352.915.930
Chi phí phải trả khác	-	-
	739.951.379	2.352.915.930

22 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/10/2024
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	3.273.801.280	7.663.830.554
	3.273.801.280	7.663.830.554
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Doanh thu từ sửa chữa nhà xưởng cho thuê	2.921.498.672	3.005.772.671
	2.921.498.672	3.005.772.671

23 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/10/2024
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	81.275.535	-
Kinh phí công đoàn	988.345.901	1.023.192.597
Bảo hiểm xã hội	16.942.552	15.899.602
Bảo hiểm y tế	21.104.122	15.956.640
Bảo hiểm thất nghiệp	7.084.004	7.002.204
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.257.750.000	12.657.750.000
Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Bo Xuyen (1)	41.636.990.599	41.636.990.599
Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân (2)	255.375.496.620	255.375.496.620
Phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Quang Trung (3)	19.893.999.636	37.318.547.571
Phí bảo trì tòa nhà	1.137.848.435	1.137.848.435
Thu tiền ứng vốn dự án	117.637.697.464	107.684.150.645
Thu tiền hợp tác thực hiện Dự án BOT Cầu Nghìn	200.000.000	2.000.000.000
Phải trả khác	28.007.133.580	15.181.409.013
	469.261.668.448	474.054.243.926
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.801.406.921	16.785.406.505
	16.801.406.921	16.785.406.505

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(1) Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Bồ Xuyên theo Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 08/05/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất đối với khu đất giao để thực hiện Dự án phát triển nhà ở khu dân cư phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình. Trong kỳ đơn vị đã thực hiện bù trừ số tiền công ty thực hiện GPMB là: 6.630.104.504 đồng theo thông báo số 60/TB-STC ngày 22/05/2024 của Sở Tài Chính tỉnh Thái Bình.

(2) Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân theo Quyết định số 3202/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ngày 08/11/2016 và theo hướng dẫn của Tờ trình số 708/TTr-STC do Sở Tài chính gửi UBND tỉnh Thái Bình ngày 16/12/2016.

(3) Phải trả tiền quyền sử dụng đất khu nhà ở Quang Trung đợt 1 theo Quyết định số 2966/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ngày 13/11/2017.

Ba khoản phải trả trên sẽ được thanh toán bù trừ (số tiền bù trừ chi tiết theo Thuyết minh số 10 mục 1,2,3 và Thuyết minh số 12 khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình nhà ở xã hội Quang Trung khi công ty thực hiện quyết toán các khoản chi đầu tư của hợp đồng BT số 01/2015/HĐBT ngày 16/11/2015 giữa Công ty Cổ phần Damsan và UBND Thành phố Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/10/2024		Trong Kỳ		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	827.761.871.532	827.761.871.532	695.445.258.700	549.050.254.193	974.156.876.039	974.156.876.039
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	7.504.962.564	7.504.962.564	880.000.000	440.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
	835.266.834.096	835.266.834.096	696.325.258.700	549.490.254.193	975.476.876.039	975.476.876.039
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	6.160.000.000	6.160.000.000			5.280.000.000	5.280.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	14.126.886.383	14.126.886.383	21.194.513	1.081.416.009	13.066.664.887	13.066.664.887
	20.286.886.383	20.286.886.383	21.194.513	1.081.416.009	18.346.664.887	18.346.664.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn của Công ty:**

	Loại tiền	31/12/2024	01/10/2024
		VND	VND
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	VND	268.700.000.000	166.850.000.000
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tây Đô - Hà Nội	USD	10.986.930.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	VND	340.051.174.432	301.406.352.175
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình	VND	175.447.642.776	170.735.461.216
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Thái Bình	USD	25.935.781.553	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình	VND	-	17.500.000.000
Ngân hàng TM TNHH một thành viên Việt Nam Hiện Đại	VND	27.300.000.000	11.445.020.705
Ngân hàng Sinopac - TP Hồ Chí Minh	VND	62.635.347.278	52.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình	VND	-	46.750.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam CN Hải Phòng	VND	-	11.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hòa Bình	VND	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	VND	43.600.000.000	35.300.000.000
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	VND	9.500.000.000	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả			880.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	VND	1.320.000.000	880.000.000
		975.476.876.039	835.266.834.096

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2024	01/10/2024
		VND	VND
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	VND	5.280.000.000	6.160.000.000
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	USD	13.066.664.887	14.126.886.383
		18.346.664.887	20.286.886.383
		993.823.540.926	855.553.720.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-202301019 ngày 12 tháng 10 năm 2023	200.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng đối với từng lần giải ngân, thời hạn hợp đồng tới ngày 13/04/2022	279.686.930.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/2127123/HĐTD ngày 27 tháng 02 năm 2023, và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/2127123/HĐTD được lập ngày 27/02/2024	170.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 10 năm 2022	148.546.662.011	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2024/7217771/HĐTD ngày 19/04/2024	180.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết tháng 11 năm 2022	191.504.512.421	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Bình Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024- HĐCVHM/NHCT360- DAMSAN ngày 07 tháng 06 năm 2024	200.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	165.583.447.504	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024- HĐCVHM/NHCT360- EIFFEL ngày 03/06/2024	55.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	9.864.195.272	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	#REF!	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TM TNHH một thành viên Việt Nam Hiện Đại						
	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0298/2023-HĐCV/OCEANBANK.CNT HAIBINH ngày 27 tháng 06 năm 2023	50.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán các khoản vay LC.	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	27.300.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
5	Ngân hàng TNHH INDOVINA						
	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2059/IVB-HĐHMTD/2023 ký ngày 06 tháng 12 năm 2023	1.000.000USD	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	43.600.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình						
	Hợp đồng tín dụng số 028/2023/HMTD/PVBTB-DAMSAN ngày 28 tháng 10 năm 2023	70.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	-	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
7	Ngân hàng SinoPac - TP HCM						
	Hợp đồng cấp tín dụng số 23/004 ký ngày 20 tháng 02 năm 2023 và văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngắn hạn	4.000.000USD	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	62.635.347.278	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
8	Ngân hàng TMCP VCB - CN Hòa Bình						
	Hợp đồng tín dụng số 138/24/1648374/HĐCTD/DA MSAN ngày 28/06/2024	10.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bông, sợi,	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	10.000.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
9	Ngân hàng TMCP An Bình - CN Thái Bình						
	Hợp đồng cấp tín dụng số 958/24/TD/SME/157 ngày 15/08/2024	100.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bông, sợi,	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	25.935.781.553	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
10	Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 00000434241/2024/HĐTD- /BacABank.140 ngày 10 tháng 03 năm 2023	50.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể	Để bổ sung vốn mở LC nhập khẩu Bông	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	-	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
11	Ngân hàng TMCP Quốc tế CN Hải Phòng Hợp đồng tín dụng số 4861800,24 ký ngày 24 tháng 06 năm 2024	100.000.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bông, sợi,	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	-	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
12	Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam Hợp đồng tín dụng số 2024- 000345-000 ngày 26/12/2024	9.500.000.000	Lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bông, sợi,	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	9.500.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản



Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 01- 21/TDĐT-QMT/EFL ký ngày 26/4/2021	53.000.000.000	Lãi suất cho vay là 2,6%/năm	thanh toán chi phí thực hiện Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm Công nghiệp An Ninh;	Thời hạn vay 7 năm kể từ ngày giải ngân	1.320.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7217771/HĐTD ngày 28/10/2015, phụ lục hợp đồng ngày 09/08/2017		Lãi suất cố định, lãi suất thả nổi theo văn bản nhận nợ của khách hàng với ngân hàng	Xây dựng nhà máy kéo sợi Eiffel	102 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	-	Tài sản hình thành từ vốn vay

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn**1 Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam**

Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 01-21/TDĐT-QMT/EFL ký ngày 26/4/2021	53.000.000.000	Lãi suất cho vay là 2,6%/năm	thanh toán chi phí thực hiện Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm Công nghiệp An Ninh;	Thời hạn vay 7 năm kể từ ngày giải ngân	5.280.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
--	----------------	------------------------------	---	---	---------------	-------------------------------

2 Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam

Hợp đồng cho thuê tài chính số 2023-00045-000 ngày 21 tháng 4 năm 2023		Lãi suất thuê là tổng gộp lãi suất cơ bản và lãi suất chỉ định. LS cơ bản là lãi suất SOFR kỳ hạn 3 tháng: 4,89779%/ năm, lãi suất chỉ định 2,44417%/năm	Thanh toán 2 đầu máy dệt khăn	48 tháng kể từ ngày vay	10.790.397.329	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng cho thuê tài chính số 2023-00044-000 ngày 21 tháng 4 năm 2023		Lãi suất thuê là tổng gộp lãi suất cơ bản và lãi suất chỉ định. LS cơ bản là lãi suất SOFR kỳ hạn 3 tháng: 4,89779%/ năm, lãi suất chỉ định 2,44417%/năm	Thanh toán dây chuyền máy dệt 10 máy jacka	48 tháng kể từ ngày vay	2.276.267.558	Tài sản hình thành từ vốn vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024							
Tại ngày 01/10/2024	763.947.270.000	63.554.698.331	2.294.024.276	10.410.274.952	28.816.644.492	51.906.781.807	920.929.693.858
Tăng vốn trong kỳ này		-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	29.052.968.930	3.747.255.747	32.800.224.677
Tăng khác	-	-	-	-	1.281.931.944	-	1.281.931.944
Chia cổ tức	-	-	-	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Tại ngày 31/12/2024	763.947.270.000	63.554.698.331	2.294.024.276	10.410.274.952	63.651.545.366	55.654.037.554	959.511.850.479

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2024	Tỷ lệ	01/10/2024
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của các cổ đông	100%	763.947.270.000	100,0%	763.947.270.000
	100%	763.947.270.000	100%	763.947.270.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/10/2024 đến	Từ 01/10/2023 đến
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	763.947.270.000	583.947.270.000
- <i>Vốn góp đầu Kỳ</i>	763.947.270.000	583.947.270.000
- <i>Vốn góp tăng trong Kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong Kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối Kỳ</i>	763.947.270.000	583.947.270.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/10/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76.394.727	76.394.727
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	76.394.727	76.394.727
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.394.727	76.394.727
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.394.727	76.394.727
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.394.727	76.394.727
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/10/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.410.274.952	10.410.274.952
	10.410.274.952	10.410.274.952

27 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/10/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	57.235,05	1.098.219,92
Đồng Euro (EUR)	101,60	101,60

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	385.431.480.147	370.680.199.970
Doanh thu kinh doanh bất động sản	96.668.093.333	-
Doanh thu khác	-	-
	482.099.573.480	370.680.199.970
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)</i>	57.899.097.827	81.110.087.837

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	-
	-	-

29 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã bán	397.343.886.484	334.091.088.732
Giá vốn kinh doanh bất động sản	33.327.730.746	-
	430.671.617.230	334.091.088.732

30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.894.021.613	12.636.574.149
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.199.472.000	749.670.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong Kỳ	3.385.585.126	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối Kỳ	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	8.479.078.739	13.386.244.149

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSANLô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.912.588.610	12.781.252.473
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong Kỳ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối Kỳ	-	4.664.934.524
Chi phí tài chính khác	-	-
	8.912.588.610	17.446.186.997

32 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	227.789.058	179.637.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.995.763.999	3.223.735.991
Chi phí khác bằng tiền	23.899.217	123.712.671
	3.247.452.274	3.527.085.966

33 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	363.050	215.389.998
Chi phí nhân công	2.900.799.303	2.103.719.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	654.521.925	575.326.528
Thuế, phí, lệ phí	124.440.420	3.643.650
Chi phí dự phòng	1.000.000.000	2.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.435.192.275	873.747.644
Chi phí khác bằng tiền	3.589.529.158	5.721.883.698
	10.704.846.131	11.493.711.416

34 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	130.371.035
Thu nhập khác	17.374.447	-
	17.374.447	130.371.035

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	185.225.806	948.906.348
Chi phí khác	2.276.581.184	947.237.415
	2.461.806.990	1.896.143.763

36 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.724.856.354	1.938.393.989
	3.724.856.354	1.938.393.989

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong Kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 VND	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	Cùng chung người quản lý	36.354.458.322	34.460.165.573
Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người quản lý	17.856.265.350	-
Công ty TNHH XNK API	Cùng chung người quản lý chủ chốt	3.688.374.155	6.619.577.560
Công ty CP đầu tư An Ninh Thái Bình	Công ty liên kết	43.331.531.280	40.030.344.704
Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng xanh AD	Công ty liên kết	-	34.822.768.858
Công ty cổ phần năng lượng xanh ADE	Cùng chung người quản lý chủ chốt	8.746.402.493	-
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	Cùng chung người quản lý chủ chốt	4.413.181.413	-
Công ty cổ phần đầu tư ADP	Cùng chung người quản lý chủ chốt	42.113.383.492	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mua hàng hóa, dịch vụ

Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	Cùng chung người quản lý chủ chốt	49.744.725	35.162.623.036
Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người quản lý chủ chốt	33.180.018.600	48.923.500.960
Công ty TNHH XNK API	Cùng chung người quản lý chủ chốt	12.364.401.958	14.774.257.529
Công ty CP đầu tư ADP	Cùng chung người quản lý chủ chốt	68.199.302.418	-
Công ty CP đầu tư An Ninh Thái Bình	Công ty liên kết	123.388.397.350	112.009.714.826
Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng xanh AD	Công ty liên kết	41.686.169.738	4.282.003.304
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	Cùng chung người quản lý	116.691.187.516	43.272.932.418
	Mối quan hệ	31/12/2024	01/10/2024
		VND	VND

Phải thu khách hàng

Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	Cùng chung người quản lý	6.386.296.000	69.957.251.948
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	Cùng chung người quản lý	31.712.371.326	28.146.297.036
Công ty CP đầu tư ADP	Cùng chung người quản lý	14.142.844.637	-

Ứng trước cho nhà cung cấp

Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người quản lý chủ chốt	21.632.924.683	56.248.334.708
Công ty TNHH XNK API	Cùng chung người quản lý chủ chốt	-	3.912.288.239
Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng xanh AD	Công ty liên kết	81.228.773.812	105.829.633.390
Công ty CP đầu tư ADP	Cùng chung người quản lý	21.632.924.683	35.526.612.876
Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	Cùng chung người quản lý	97.429.858.216	100.121.757.155

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phải thu khác

Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	Cùng chung người quản lý chủ chốt	76.306.182	76.306.182
Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người quản lý chủ chốt	3.770.000.000	3.770.000.000
Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng xanh AD	Cùng chung người quản lý chủ chốt	321.422.222	3.623.000
Công ty cổ phần năng lượng xanh ADE	Cùng chung người quản lý chủ chốt	-	550000000
Công ty CP đầu tư ADP	Cùng chung người quản lý chủ chốt	3.703.704	3703704
Phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	Cùng chung người quản lý chủ chốt	90.000.000	90.000.000
Phải trả người bán			
Công ty TNHH XNK API	Cùng chung người quản lý chủ chốt	7.759.187.100	173.815.100
Công ty CP đầu tư An Ninh Thái Bình	Công ty liên kết	37.244.536.296	-
Người mua trả tiền trước			
Công ty TNHH XNK API	Cùng chung người quản lý	-	2.536.349.086
Công ty CP đầu tư An Ninh Thái Bình	Công ty liên kết	-	101.586.705.119



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**


Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo


	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	872.906.384	860.299.693
Vũ Huy Đông	161.923.077	160.384.615
Nguyễn Lê Hùng	30.000.000	30.000.000
Đỗ Văn Khôi	39.000.000	39.000.000
Lê Văn Tuấn	30.000.000	30.000.000
Phạm Văn Thượng	30.000.000	30.000.000
Vũ Huy Đức	92.629.923	89.322.154
Vũ Phương Diệp	102.307.692	96.923.077
Vương Quốc Dương	136.730.769	135.000.000
Lê Xuân Chiến	116.923.077	111.923.077
Phạm Thị Hồi	36.500.000	51.072.000
Tạ Thị Thu Hiền	30.269.231	34.120.308
Vũ Thùy Linh	66.622.615	52.554.462

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Số liệu so sánh kết quả kinh doanh được sử dụng là số liệu do công ty tự lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023


Phạm Thị Dung
Người lập


Trần Minh Hà
Kế toán trưởng




Lê Xuân Chiến
Phó Tổng Giám Đốc

Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2025